

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **120/2022/HNGĐ**

Ngày: 30/9/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến
2. Bà Mai Thị Tiếp

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan
- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2022/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 206/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 và “Quyết định thay đổi thành viên những người tiến hành tố tụng và thông báo thời gian mở lại phiên tòa” số 115 ngày 23/9/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: SN ..., đường NT, phố QT, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1966

Địa chỉ: SN ..., đường NT, phố QT, phường ĐH, thành phố TH, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Hà trình bày:

- ***Về hôn nhân:*** Chị và anh Nguyễn Văn X tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới tháng 02 năm 1992 nhưng đến năm 1998 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên đến nay Giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất, chị đã đến UBND phường để xin cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn nhưng sổ đăng ký kết hôn ở phường không có lưu đăng ký kết hôn của chị và anh X.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn nên chị đã phải làm đơn gửi Tòa án xin ly hôn nhưng sau đó được hòa giải và muốn con có bố có mẹ, hơn nữa anh X hứa sửa chữa nên chị đã rút đơn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Song mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về

quan điểm sống, bất đồng về lối sống và tính cách, không tin tưởng tôn trọng nhau. Vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi cọ đánh chửi nhau ảnh hưởng sức khỏe, tinh thần của chị và ảnh hưởng không tốt đến con cái. Vì vậy từ tháng 02/2022 chị đã ở riêng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, chấm dứt quan hệ về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh X

Về phía anh Nguyễn Văn X: Tại bản tự khai và phiên hòa giải, anh X khai thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh khẳng định anh và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa năm 1998, giấy chứng nhận kết hôn anh X giữ nhưng hiện tại anh không tìm thấy để nộp cho Tòa án. Anh X cũng thừa nhận vợ chồng thỉnh thoảng vẫn cãi chửi nhau nhưng không trầm trọng. Bản thân anh cũng đã bỏ qua hết lỗi lầm của chị H để vợ chồng chung sống, nhưng chị H thường xuyên gây xung đột dẫn đến việc vợ chồng đánh chửi nhau. Từ tháng 02/2022 chị H ra ở riêng, anh đã nhiều lần thuyết phục nhưng chị H không về nên anh tức giận đã chửi bới chị H.

Nay chị H xin ly hôn, mặc dù anh còn tình cảm yêu thương chị H và mong muốn giữ gia đình cho con nên anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Song qua nhiều lần hòa giải, bản thân anh cũng nhiều lần phân tích thuyết phục nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn do vậy anh đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25/11/1994 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1998. Nay cả hai con đã thành niên, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh X hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày và quan điểm của chị H về phần con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh X trình bày: Vợ chồng có khối tài sản chung gồm: Nhà và đất ở tại SN 04/32/149, đường Nguyễn Tĩnh, phố Quang Trung, phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đất đã có giấy chứng nhận QSDĐ mang tên vợ chồng (hiện tại anh đang quản lý giấy chứng nhận QSDĐ); Nguồn gốc đất là do anh được thừa kế của bố mẹ đẻ. Anh X yêu cầu chị H phải đề nghị Tòa án chia tài sản trong cùng vụ án ly hôn vì chị H là người làm đơn ly hôn. Bản thân anh không làm đơn chia tài sản, không nộp tạm ứng án phí chia tài sản, nếu chị H không làm đơn chia tài sản thì anh không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã giải thích cho anh X về quyền và nghĩa vụ của anh trong việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong cùng vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật. Đồng thời ấn định thời gian để anh X làm đơn yêu cầu, nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp và nộp tiền tạm ứng án phí (nếu có yêu cầu chia tài sản) theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên hết thời gian ấn định trên anh X không nộp đơn yêu cầu chia tài sản và cũng không có yêu cầu gia hạn thời hạn nộp đơn.

Ngày 22/8/2022 Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương (phường Đông Hương), kết quả xác định: Trong sổ lưu đăng ký kết hôn của UBND phường Đông Hương không có tên anh X chị H; Quá trình chung sống tại địa phương chị H anh X có mâu thuẫn hiện đang sống ly thân; Anh chị có hai con chung đã thành niên;

Về tài sản chung nợ chung của anh chị địa phương không rõ; Yêu cầu của anh chị đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 31/8/2022 và 09/9/2022 anh X vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được; Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh X.

Ngày 12/9/2022, Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho chị H, anh X. Tại phiên tòa ngày 23/9/2022, anh X vắng mặt lần thứ nhất, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa đồng thời có thông báo thời gian mở lại phiên tòa. “QĐ hoãn phiên tòa” và “Quyết định thay thế người tiến hành tố tụng và thông báo thời gian mở lại phiên tòa” đã tổng đạt hợp lệ cho chị H anh X.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn X vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Chị Nguyễn Thị H giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị ly hôn anh X; Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của chị H kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định, anh X chấp hành không đầy đủ quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh X vắng mặt lần thứ 2, không có lý do, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt anh X; Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn; Nơi cư trú của bị đơn tại thành phố Thanh Hóa, do đó Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh X vắng mặt lần thứ 2, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa. HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt anh X.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương; Theo trình bày của anh chị thì anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa năm 1998, song quá trình giải quyết vụ án anh chị không xuất trình được Giấy chứng nhận kết hôn, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng sổ lưu đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Hương không có tên chị H anh X. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 14 - Luật Hôn nhân và gia đình, giữa chị Hà và anh Xuân không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình chung sống, chị H anh X phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đến nay chị H xác định: Mâu thuẫn giữa chị và anh X không thể khắc phục được, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh X. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng chị H kiên quyết ly hôn. Sau nhiều lần thuyết phục chị H không đồng ý đoàn tụ, anh X cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh X.

Xét mâu thuẫn giữa chị H anh X đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở và tự nguyện, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 điều 53 - Luật HN&GD không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh X.

Về con chung: Chị H anh X có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25/11/1994 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1998. Nay cả hai con đã thành niên, phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai, anh X có yêu cầu chia tài sản; Song mặc dù Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của anh X đối với yêu cầu chia tài sản, và ấn định thời gian để anh X thực hiện việc nộp đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh (nếu có yêu cầu chia tài sản) nhưng anh X không nộp đơn và tài liệu chứng cứ, do đó coi như anh X không có yêu cầu chia tài sản trong cùng vụ án ly hôn. Vì vậy HĐXX không giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh X có quyền yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53;

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn X

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn X có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 25/11/1994 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/8/1998. Hai con đã thành niên, phát triển bình thường Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002117 ngày 26/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Hương, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nga